

HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM VỚI CAMPUCHIA TRONG QUẢN LÝ VÙNG BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN^(*)

Vũ Quý Sơn

Đỗ Tá Khánh

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích vai trò và tìm hiểu thực trạng hoạt động hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia trong việc đảm bảo an ninh, chính trị và phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực biên giới, đồng thời xác định các yếu tố tác động đến sự hợp tác này, bao gồm quan điểm và lập trường của mỗi quốc gia, cũng như những thay đổi nội bộ của cả hai bên. Quan điểm chính của nghiên cứu khẳng định hợp tác quốc tế Việt Nam - Campuchia đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy đảm bảo chính trị, an ninh, quốc phòng, phát triển hạ tầng và tăng trưởng kinh tế khu vực biên giới. Vai trò này được hiện thực hóa thông qua việc hai nước đã ký kết nhiều văn bản, thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương, thúc đẩy xây dựng hạ tầng biên giới, tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động giao thương và trao đổi, góp phần vào tăng trưởng thương mại song phương. Những thành tựu đạt được chủ yếu là nhờ chủ trương, chính sách quản lý biên giới ngày càng hoàn thiện của Việt Nam và sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan chức năng. Bên cạnh đó, Campuchia cũng đã điều chỉnh nhiều chính sách biên giới sau những biến động trong chính quyền và có nhu cầu cao về phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới.

Từ khóa: Campuchia; Biên giới đất liền; Hợp tác quốc tế; Quản lý biên giới; Việt Nam.

Đặt vấn đề

Hợp tác quốc tế được coi là một lĩnh vực trọng yếu trong hoạt động quản lý biên giới giữa các quốc gia có chung đường biên giới bởi các vấn đề trên biên giới thường mang tính xuyên quốc gia, hoặc liên quốc gia, bao gồm các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống, vấn đề phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi nỗ lực chung của các quốc gia có chung đường biên giới như Việt Nam và Campuchia nhằm tăng cường hợp tác quốc tế về quản lý biên giới.

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu nhằm trả lời câu hỏi chủ đạo là hợp tác quốc tế Việt Nam - Campuchia đóng vai trò gì trong đảm bảo an ninh, chính trị và phát triển kinh tế xã hội?, thông qua một số câu hỏi phụ như hoạt động hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia diễn ra như thế nào, đồng thời, tìm hiểu các nhân tố tác động đến hoạt động hợp tác kể trên; bao gồm quan điểm và lập trường của Việt Nam và của Campuchia, những thay đổi bên trong nội bộ của hai nước? Quan điểm chính của bài viết cho rằng hợp tác quốc tế Việt Nam - Campuchia đóng vai trò thúc đẩy đảm bảo chính trị, an ninh, quốc phòng, thúc đẩy

^(*) Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Bộ Quản lý nhà nước về biên giới phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an ninh, chính trị vùng biên giới đất

liền ở Việt Nam hiện nay” theo Hợp đồng số 15/HĐKH-KHXX do TS. Vũ Quý Sơn làm Chủ nhiệm.

phát triển hạ tầng và tăng trưởng kinh tế khu vực biên giới. Vai trò đó được thực thi thông qua việc Việt Nam và Campuchia đã ký kết nhiều văn bản; thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương, thúc đẩy xây dựng hạ tầng biên giới, tạo nền tảng cho hoạt động giao thương và trao đổi giữa hai bên; đóng góp tăng trưởng thương mại song phương. Các thành tựu kể trên chủ yếu đến từ các chủ trương chính sách của Việt Nam về quản lý biên giới ngày càng hoàn thiện và sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng về quản lý biên giới ngày càng hiệu quả. Thêm vào đó, Campuchia điều chỉnh nhiều chính sách về biên giới từ khi có sự biến động trong chính quyền, đồng thời, có nhu cầu cao về phát triển kinh tế xã hội vùng biên giới.

1. Thực trạng hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia về quản lý biên giới

Thứ nhất, Việt Nam và Campuchia đã ký kết nhiều văn bản quốc tế, các thỏa thuận hợp tác song phương nhằm thúc đẩy xây dựng vùng biên giới hai nước hòa bình, ổn định, hữu nghị và cùng phát triển. Điều đó cho thấy nỗ lực của hai bên trong việc tạo dựng môi trường xung quanh hòa bình ổn định phục vụ các mục tiêu quản lý và phát triển biên giới. Việt Nam và Campuchia phối hợp chặt chẽ trong quản lý biên giới, tăng cường trao đổi giữa các địa phương. Chủ tịch UBND các tỉnh biên giới Việt Nam và tỉnh trưởng các tỉnh biên giới Campuchia thường xuyên đánh giá kết quả và thống nhất các nội dung hợp tác. Trong đó, hợp tác giữa hai nước tập trung vào ba lĩnh vực chính gồm thương mại, an ninh quốc phòng và phát triển cơ sở hạ tầng biên giới. Năm 2019, Việt Nam và Campuchia đã ký Bản ghi nhớ về phát triển và kết nối hạ tầng thương mại biên giới, tạo cơ chế hợp tác mới và hành lang pháp lý phù hợp với luật pháp quốc tế. Bản ghi nhớ giúp các địa phương biên giới hai nước tăng cường hợp tác, thúc đẩy lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội. Trước đó, năm 2018,

hai nước ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (Bộ Tài chính, 2019). Đến năm 2024, chính phủ Việt Nam ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại song phương. Tháng 4/2024, Việt Nam thực hiện Kế hoạch về Hiệp định thương mại biên giới giữa hai nước, thúc đẩy doanh nghiệp hai nước phát triển Đặc khu kinh tế Campuchia - Việt Nam tại các tỉnh Campuchia giáp biên giới hai nước.

Thứ hai, về hợp tác phát triển cơ sở hạ tầng thương mại vùng biên giới, hiện nay, hai nước đã thành lập 11 cặp cửa khẩu quốc tế, 11 cặp cửa khẩu chính và 26 cặp cửa khẩu phụ, kết nối với hệ thống cửa khẩu quốc tế. Các khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm bao gồm Bờ Y (Kon Tum), Khu KTCK đường 19a (Gia Lai), Bonuê (Bình Phước), Mộc Bài, Xa Mát (Tây Ninh), Đồng Tháp, Khánh Bình (An Giang), Hà Tiên (Kiên Giang). Những khu kinh tế cửa khẩu này nằm trong quy hoạch phát triển của Việt Nam, Campuchia và hành lang kinh tế xuyên Á. Tuyến biên giới được phân thành hai khu vực lớn: biên giới Tây Nam và biên giới Tây Nguyên, mỗi khu vực hình thành các tiểu vùng kinh tế. Về nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hai bên đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn địa phương và sự hỗ trợ từ chính phủ. Việc phát triển cơ sở hạ tầng vùng biên được coi là một trong những nhân tố thúc đẩy phát triển thương mại song phương giữa hai bên (Hưng, 2023).

Thứ ba, tăng trưởng thương mại và đầu tư giữa Việt Nam - Campuchia không ngừng gia tăng. Việc tăng cường hợp tác trong quản lý biên giới đất liền góp phần thúc đẩy hoạt động giao thương biên giới. Từ chính sách và thực trạng triển khai quản lý biên giới đất liền Việt Nam và Campuchia, kết quả thương mại biên giới giữa hai nước đạt được những thành tựu quan trọng. Kim ngạch trao đổi qua biên giới hai nước chiếm tỷ trọng bình quân khoảng 90% trong tổng kim ngạch thương mại song phương.

Trong đó, năm 2024, thương mại hai nước đạt hơn 10 tỷ USD. Hơn nữa, Campuchia xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp sang Việt Nam và nhập khẩu vật liệu xây dựng, máy móc, điện tử, sản phẩm xăng dầu tinh chế và sắt thép (Văn, 2024). Về thương mại, quy mô thương mại giữa hai nước tăng trưởng nhanh đầu năm 2024. Trước đó, giai đoạn 2016-2020, kim ngạch thương mại Việt Nam - Campuchia tăng trưởng trung bình 17%/năm (TTXVN, 2024). Về đầu tư sang Campuchia, tính đến hết tháng 7/2023, Việt Nam có 206 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký phía Việt Nam là 2,94 tỷ USD. Trong đó, có 45 dự án nằm trong Khu vực Tam giác phát triển thuộc Campuchia (4 tỉnh Rattanakiri, Stung Treng, Mondulakiri, Kratie) với tổng vốn đầu tư đăng ký phía Việt Nam là 1,679 tỷ USD (Nguyễn, 2024b). Đầu năm 2024, Campuchia tiếp nhận 128 dự án đầu tư trị giá 2,51 tỷ USD, tăng 327% so với năm 2023 (Tâm, 2024). Từ những kết quả trong hợp tác quản lý biên giới đất liền, hai nước tăng cường sự hợp tác kết nối giữa các tỉnh giáp biên, thúc đẩy sự liên kết chuỗi cung ứng, sản xuất, đảm bảo thực hiện các Hiệp định thương mại biên giới, Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, sớm hoàn thành Quy hoạch tổng thể kết nối hai nền kinh tế Việt Nam - Campuchia đến năm 2030.

Đối với phát triển và kết nối cơ sở hạ tầng giao thông và cửa khẩu, Việt Nam hợp tác Campuchia triển khai dự án đường cao tốc TP Hồ Chí Minh - Mộc Bài kết nối tuyến cao tốc Bavet - Phnom Penh thúc đẩy giao thương hợp tác hai nước. Dự án cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài khởi công trước 30/4/2025, dự kiến hoàn thành năm 2027, kết nối vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, điểm trung chuyển quan trọng kết nối giữa vùng Đông Nam Bộ và Campuchia. Campuchia đang xây dựng sân bay quốc tế mới tại Phnom Penh và Siem Reap, phía Việt Nam đang xây dựng đường cao tốc từ Sóc Trăng (cảng Trần Đề) tới An Giang, từ thành

phố Hồ Chí Minh với Tây Ninh, cả hai tuyến đều kết nối tới các cửa khẩu với Campuchia và một số tuyến đường khác (Asian Development Bank, 2019; Manopiniwes et al., 2024). Hai nước tiếp tục nghiên cứu xây dựng các tuyến đường sắt để kết nối liên vùng, liên quốc gia, thúc đẩy quá trình phát triển cơ sở hạ tầng vùng biên giới. Cùng với đó, hai bên đã đạt nhiều kết quả trong hợp tác thúc đẩy các hiệp định về vận tải thủy được chính phủ hai nước sửa đổi ngày 26/2/2019. Theo đó, một số tuyến đường thủy thuộc hệ thống sông Mekong trên lãnh thổ Việt Nam và Campuchia trở thành khu vực tự do giao thông đường thủy hai nước, đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển hàng hóa xuất khẩu và vận tải hàng hóa quá cảnh đi từ các nước thứ ba qua lãnh thổ mỗi nước. Tuyến vận tải thủy Việt Nam - Campuchia kết nối qua 2 cặp cửa khẩu quốc tế Thường Phước - Kok Rohka và Vĩnh Xương - Kaom Samnor, đồng thời là tuyến quá cảnh cụm cảng nước sâu Thị Vải - Cái Mép (Báo Giao thông, 2022; Manopiniwes et al., 2024). Hiệp định góp phần quan trọng trong giảm chi phí logistic vận tải đường thủy từ đó thúc đẩy hàng hóa dịch chuyển từ đường bộ sang đường thủy và tăng xuất khẩu hàng hóa giữa hai nước (TTXVN, 2023a). Lợi thế của tuyến đường thủy là điều kiện tự nhiên và hàng hóa đường thủy được miễn phí sử dụng hạ tầng cảng biển thành phố Hồ Chí Minh. Cùng với đó, các lực lượng quản lý biên giới của Việt Nam thực hiện nhiệm vụ phối hợp tham mưu Tỉnh ủy mở cửa khẩu, nâng cấp các cặp cửa khẩu, thực hiện quan hệ đối ngoại với các tỉnh, huyện biên giới Campuchia. Các đơn vị địa phương ký kết quy chế phối hợp thực hiện quản lý Nhà nước về biên giới lãnh thổ giai đoạn đến năm 2030.

Thứ tư về an ninh - trật tự vùng biên giới đất liền, hai bên phối hợp chặt chẽ trong quản lý biên giới, ngăn chặn vượt biên trái phép và tăng cường trao đổi giữa các lực lượng an ninh

- quốc phòng địa phương nhằm đảm bảo an ninh biên giới. Hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia trong quản lý biên giới đất liền thực hiện với nhiều nội dung mang lại hiệu quả thiết thực. Trong đó, ký kết, thực hiện các thỏa thuận hợp tác với cơ quan quản lý biên giới của Campuchia góp phần xây dựng đường biên giới đất liền hòa bình, phát triển. Giai đoạn 2016 - 2021, Bộ Quốc phòng ký 30 văn bản hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hợp tác biên phòng, phối hợp quản lý biên giới. Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng 25 tỉnh biên giới đất liền ký hợp tác với 60 đại diện lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới tương ứng (cấp tỉnh) của các nước Campuchia, Trung Quốc và Lào. Các cấp quản lý biên phòng bao gồm Bộ Tư lệnh, Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố và cấp đồn, trạm biên phòng, trao đổi, phối hợp hiệu quả trên các lĩnh vực hợp tác biên phòng (Hùng & Ngân, 2023).

Hai nước ký kết “Thỏa thuận hợp tác biên phòng” giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng Việt Nam và Bộ Tư lệnh hiến binh Hoàng gia Campuchia nhằm hợp tác quản lý biên giới, đấu tranh phòng chống tội phạm qua biên giới. Bộ Công an và Bộ nội vụ Campuchia tăng cường quan hệ hợp tác trong bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội... Cơ quan biên giới địa phương mỗi nước thúc đẩy hợp tác, phía Việt Nam tổ chức Ban chỉ đạo công tác biên giới tỉnh do 1 đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm trưởng ban và phía Campuchia là Tiểu ban biên giới tỉnh do tỉnh trưởng là trưởng ban. Hai nước tăng cường cơ chế hợp tác giữa quân khu, quân chủng, lực lượng quản lý biên giới như kết nghĩa đồn trạm, phối hợp tuần tra, ủng hộ doanh nghiệp Quốc phòng Việt Nam hoạt động kinh doanh tại Campuchia... Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng triển khai các Chỉ thị và Kế hoạch công tác đối ngoại biên phòng, hợp tác Quốc phòng đối với Campuchia.

2. Quan điểm chủ trương của Việt Nam và Campuchia về hợp tác quốc tế trong quản lý biên giới đất liền

2.1. Việt Nam

Thứ nhất, Việt Nam dần hoàn thiện chủ trương, chính sách, cơ cấu quản lý biên giới, việc hợp tác quốc tế trong quản lý biên giới được coi là một trong những bước đi cụ thể hiện thực hóa các Nghị quyết của Bộ Chính trị, các văn bản pháp luật về “bảo vệ biên giới quốc gia, phát triển kinh tế xã hội”. Trong đó, tháng 9/2018, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 33-NQ/TW về “Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia” nhằm xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới vững chắc (Minh, 2018). Chiến lược hướng đến bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh, pháp luật, biểu tượng quốc gia tại biên giới, cửa khẩu; xây dựng biên giới hòa bình, hợp tác, phát triển; gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Năm 2020, với việc ban hành Quyết định 1268/QĐ-TTg, Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Bản ghi nhớ về phát triển và kết nối hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam - Campuchia nhằm triển khai hiệu quả việc xây dựng và phát triển hạ tầng thương mại biên giới. Trong giai đoạn 2021-2022, các bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh xúc tiến thương mại, đầu tư hạ tầng, xây dựng chợ biên giới, khuyến khích doanh nghiệp hai nước hợp tác đầu tư. Đồng thời, Quy hoạch vùng biên giới Việt Nam - Campuchia đến năm 2030 định hướng phát triển khu vực này thành vùng kinh tế động lực về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và cửa ngõ giao thông trọng điểm phía Tây và Tây Nam.

Thêm vào đó, Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 quy định nội dung hợp tác quốc tế gồm thiết lập quan hệ biên giới, ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, giải quyết các vấn đề biên giới, tuần tra, kiểm soát xuất nhập cảnh, phòng chống tội phạm, ứng phó thiên tai, dịch bệnh và hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ

biên phòng. Hợp tác quốc tế thực hiện qua bốn hình thức: ký kết điều ước, thỏa thuận quốc tế; hội đàm, giao lưu hợp tác; trao đổi, chia sẻ thông tin; và các hình thức khác theo quy định pháp luật.

Đến tháng 2/2021, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định 259/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới đến năm 2025, tầm nhìn 2030, nhằm thúc đẩy thương mại với các nước có chung biên giới. Chương trình định hướng phát triển các loại hình thương mại biên giới như chợ, siêu thị, trung tâm hội chợ, triển lãm, phù hợp với điều kiện từng vùng và gắn với các chương trình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Đặc biệt, hạ tầng thương mại biên giới đóng vai trò cửa ngõ thương mại của Việt Nam với thị trường ASEAN; bao gồm thị trường Campuchia. Kể từ năm 2022, với việc ban hành Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 2/3/2022, chính phủ Việt Nam chủ trương xây dựng chính sách, pháp luật về biên giới đất liền bao gồm phát triển kinh tế khu vực biên giới hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền, khu cửa khẩu, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu, quản lý cư dân vùng biên giới, lao động, di cư xuyên biên giới,... Chính phủ ban hành Quy hoạch bố trí ổn định dân cư các xã biên giới hai nước (Thao, 2021).

Thứ hai, vai trò của các chủ thể quản lý nhà nước về biên giới đất liền đã được quy định rõ, tuy nhiên triển khai trên thực tiễn vẫn còn nhiều bất cập. Cụ thể hơn, việc quy định và phân cấp quản lý về biên giới đất liền của Việt Nam đã được triển khai; quy định rõ chức năng nhiệm vụ của các chủ thể khác nhau từ cấp trung ương đến địa phương. Điều này cho thấy, Việt Nam đã xây dựng một hệ thống quản lý nhà nước về biên giới đất liền. Trong đó, chính phủ Việt Nam cũng thành lập Ban Chỉ đạo Nhà nước về

công tác Biên giới trên đất liền, gồm thành viên từ các bộ, ngành trung ương và các tỉnh biên giới, nhằm tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển khu vực biên giới. Cùng với đó, Ban chỉ đạo thương mại biên giới TW quản lý hoạt động thương mại biên giới và hợp tác, trao đổi với cơ quan của các nước có chung biên giới về cơ chế phối hợp trong quản lý hoạt động thương mại biên giới. Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới thực hiện quản lý tại các cửa khẩu, lối mở biên giới. Bộ Công an thực hiện quản lý cư trú, xuất nhập cảnh người trong hoạt động thương mại biên giới (Bộ Tư pháp, 2015)². Cùng với đó, chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định 34/2023/NĐ - CP quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền. Theo đó, Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước đối với cửa khẩu biên giới, công trình biên giới trong khu vực cửa khẩu, kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu. Bộ đội biên phòng phối hợp kiểm tra giám sát hàng hóa xuất nhập qua cửa khẩu biên giới. Cơ quan Hải quan cửa khẩu thực hiện kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phòng, chống vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Đặc biệt, cơ quan quản lý nhà nước thiết lập cơ chế trao đổi, hợp tác với cơ quan cửa khẩu phía đối diện để tăng cường quản lý biên giới đất liền (Thương, 2023).

2.2. Campuchia

Thứ nhất, sự thay đổi trong hệ thống chính trị Campuchia; lãnh đạo mới lên cầm quyền đã có nhiều điều chỉnh đối với chính sách quản lý biên giới. Đối với thủ tướng Hun Manet, thúc đẩy chính sách quản lý biên giới không chỉ là vấn đề liên quan đến chủ quyền lãnh thổ, phát triển kinh tế; cơ sở hạ tầng vùng biên, đồng thời, được coi là những biện pháp khẳng định tính chính danh cho việc cầm quyền. Quản lý tốt biên giới cũng tạo môi trường bên ngoài thuận

² Theo Điều 26, 27, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg Về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới.

lợi cho Hun Manet thúc đẩy các chính sách quốc gia. Cụ thể hơn, năm 2023, Campuchia trải qua sự chuyển giao lãnh đạo quan trọng khi Thủ tướng Hun Sen rời nhiệm sở sau 38 năm cầm quyền, nhường vị trí cho ông Hun Manet, đồng thời trở thành Chủ tịch Thượng viện vào tháng 2/2024. Sự thay đổi này ảnh hưởng đến chính sách đối nội và đối ngoại của Campuchia, bao gồm quản lý biên giới. Vấn đề phát triển biên giới được tập trung quan tâm hơn; coi ủng hộ phát triển cơ sở hạ tầng vùng biên giới là một trong những hoạt động ủng hộ chính quyền mới (Sreypich, 2024). Khu vực biên giới Campuchia - Việt Nam tại hai tỉnh Kratie và Mondulkiri là khu vực thủ tướng Manet đi thăm đầu tiên (Sreypich, 2024). Về chính sách biên giới, Campuchia triển khai Chiến lược Ngũ giác giai đoạn I, nhấn mạnh giải quyết tranh chấp biên giới theo luật pháp quốc tế và không sử dụng lãnh thổ để chống lại láng giềng (Times, 2024). Chính phủ cũng thành lập Văn phòng Nhà nước về Biên giới do Bộ trưởng Lam Chea phụ trách, cùng với Ban Thư ký Biên giới để giám sát và quản lý các vấn đề biên giới trên bộ và trên biển.

Thứ hai, nhu cầu phát triển kinh tế xã hội vùng biên giới của Campuchia không ngừng gia tăng. Trong đó, việc phát triển kinh tế xã hội vùng biên giới không chỉ phản ánh chính sách phát triển tổng thể của Campuchia, đồng thời, cho thấy tầm quan trọng của các kết quả phát triển kinh tế xã hội đối với sinh mệnh chính trị của quan chức địa phương. Cụ thể hơn, Campuchia đầu tư mạnh vào cơ sở hạ tầng, với việc thành lập Quỹ phát triển hạ tầng biên giới và kế hoạch mở rộng đường vành đai biên giới từ 1.300km lên 2.660km, với ngân sách hơn 200 triệu USD trong 10 năm (Meng Seavmey, 2023). Đối với hợp tác với Việt Nam, hai nước quản lý biên giới theo các Hiệp định và Hiệp ước song phương. Theo khảo sát tại bốn tỉnh biên giới Campuchia, hơn 90% quan chức địa

phương mong muốn tăng cường hợp tác với Việt Nam để hỗ trợ phát triển khu vực biên giới (Hoàng, 2018). Điều này cho thấy nhu cầu hợp tác chặt chẽ giữa hai nước trong bối cảnh hội nhập khu vực ngày càng sâu rộng không chỉ ở cấp Trung ương mà còn tập trung ở cấp địa phương. Thêm vào đó, việc điều chỉnh các chính sách phát triển kinh tế xã hội, bao gồm việc Campuchia khởi công dự án Kênh đào Funan Techo (8/2024) (FTC) tác động đa chiều đến hợp tác phát triển giữa hai nước về kinh tế, an ninh kinh tế, nguồn nước, môi trường...

Thứ ba, thúc đẩy nguồn lực xã hội nhằm phát triển vùng biên giới. Sau khi được chuyển giao quyền lực, tướng Samdech Thipadei Hun Manet, đã phát động sáng kiến thành lập "Quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng biên giới "năm 2024" (Thảo, 2024). Mục tiêu chính của quỹ này là huy động nguồn lực tài chính bổ sung nhằm thúc đẩy quá trình kiến thiết và nâng cấp các công trình cơ sở hạ tầng dọc theo tuyến biên giới quốc gia. Sáng kiến này được thiết kế nhằm khơi dậy tinh thần tham gia đóng góp của toàn bộ cộng đồng dân cư Campuchia, bao gồm cả kiều bào ở nước ngoài, qua đó tăng cường sự gắn kết giữa công dân và chính phủ trong công cuộc bảo vệ chủ quyền và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng biên.

3. Vai trò của hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia trong quản lý biên giới đất liền

3.1. Thúc đẩy đảm bảo chính trị, an ninh, quốc phòng

Hợp tác quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia trong việc thực hiện các điều ước quốc tế và thỏa thuận song phương đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý biên giới; tăng cường lòng tin của hai nước trong quản lý biên giới. Tình hình an ninh trật tự khu vực biên giới ổn định tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế, xã hội khu vực biên giới đất liền. Cụ thể hơn, các hoạt động trao đổi thường xuyên giữa các cơ quan phụ trách về

an ninh - quốc phòng hai nước không chỉ thể hiện tinh thần và trách nhiệm thúc đẩy hợp tác quốc tế, đồng thời, là một trong những cụ thể hóa của các thỏa thuận song phương về quản lý biên giới đất liền. Trong đó, Ủy ban Quốc phòng - an ninh của Quốc hội Việt Nam và Campuchia được thiết lập đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XI (2002 - 2007) của Việt Nam. Ủy ban Quốc phòng - an ninh của Quốc hội Việt Nam trình Quốc hội thông qua Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý biên giới, thúc đẩy hợp tác kinh tế, đảm bảo an ninh trật tự khu vực biên giới (Yến, 2022). Theo đó, hai nước triển khai hiệu quả Nghị định thư giai đoạn 2019 - 2024 và Kế hoạch hợp tác hàng năm nhằm tăng cường quan hệ hợp tác quốc phòng, đóng góp vào sự hợp tác toàn diện, bền vững giữa hai nước. Hợp tác giữa hai Bộ Quốc phòng bao gồm đào tạo nguồn nhân lực, trao đổi thông tin, tham vấn, ủng hộ lẫn nhau tại các hội nghị đa phương về quân sự, quốc phòng. Bên cạnh đó, hai nước hợp tác song phương giữa hai tổng cục Hải quan, Tòa án các tỉnh biên giới,... (Nhưng, 2017). Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng (BĐBP) tinh phối hợp lực lượng công an thực hiện công tác đối ngoại biên phòng, hợp tác, trao đổi tình hình quản lý biên giới với lực lượng, công an, quân sự của 3 tỉnh Campuchia. Do vậy, hai địa phương mỗi nước hợp tác xử lý hiệu quả tội phạm xuyên biên giới. Đồng thời, các địa phương khu vực biên giới phối hợp địa phương biên giới phía Campuchia thông tin đối ngoại nhằm tăng cường sự tin cậy giữa hai Đảng, hai Nhà nước góp phần chống lại luận điệu của nhóm đối lập, quản lý an ninh trật tự khu vực biên giới. Theo đó, hai nước tăng cường hoạt động trao đổi đoàn các cấp, biên giới, tiếp tục ủng hộ tại các diễn đàn đa phương... (Anh & Thảo, 2024). Công an tỉnh Tây Ninh, Bình Phước và Công an tỉnh Tboungkhmum ký kết

biên bản thống nhất trao đổi thông tin tình hình an ninh biên giới và hoạt động của các nhóm đối lập, tổ chức khủng bố quốc tế và hoạt động vi phạm pháp luật (Tung, 2024). Việc thường xuyên gặp mặt trong các diễn đàn song phương và đa phương thúc đẩy các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam và của Campuchia có thể kịp thời nắm bắt tình hình vùng biên giới trong bối cảnh tình hình tội phạm xuyên biên giới có chiều hướng gia tăng bao gồm tội phạm ma túy, di cư tự do, an ninh phi truyền thống ảnh hưởng đến công tác quản lý khu vực biên giới.

3.2. Phát triển hạ tầng vùng biên giới

Thứ nhất, về hạ tầng đường bộ và cửa khẩu, các điều ước quốc tế và thỏa thuận song phương thường ưu tiên phát triển mạng lưới đường bộ kết nối vùng biên giới. Điều này bao gồm nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh lộ, đường tuần tra biên giới, và các cầu đường xuyên biên giới. Dự án đường cao tốc Hồ Chí Minh - Mộc Bài kết nối với tuyến cao tốc Phnom Penh - Bãi Vệt thông qua quốc lộ 22 là một ví dụ điển hình, tạo điều kiện thuận lợi cho vận tải hàng hóa và hành khách qua lại biên giới (Nhi, 2024). Cùng với đó, hợp tác quốc tế thúc đẩy việc nâng cấp và hiện đại hóa các cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu phụ tại biên giới. Điều này bao gồm xây dựng cơ sở hạ tầng kiểm tra, kiểm soát, kho bãi, bến bãi, khu dịch vụ cửa khẩu, ứng dụng công nghệ thông tin để giảm thời gian và chi phí thông quan.

Thêm vào đó, Việt Nam và Campuchia đã tăng cường hợp tác trong việc phát triển điện lưới quốc gia đến các khu vực biên giới, đặc biệt là các khu vực dân cư và khu kinh tế cửa khẩu. Việc cung cấp điện ổn định là yếu tố quan trọng để phát triển kinh tế, sản xuất và nâng cao đời sống người dân biên giới. Dự án Truyền tải điện Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS) đã hỗ trợ Cơ quan Điện lực Campuchia (EDC) xây dựng một đường dây truyền tải điện lớn dài 109 km, vận chuyển điện từ biên giới Việt Nam đến

các trạm biến áp chính ở Campuchia. Ngoài ra, một dự án truyền tải điện với đường dây dài 82 km từ Kampot đến Sihanoukville, đã mở rộng lưới điện quốc gia đến khu vực phía nam Campuchia này (ADB, 2014). Hiện nay, nguồn năng lượng nhập khẩu chủ yếu phục vụ nhu cầu của các tỉnh biên giới Campuchia, đồng thời giảm giá điện tại Campuchia (Sarraf et al., 2013). Các hệ thống truyền tải điện từ Việt Nam sang Campuchia đã góp phần giải quyết nhu cầu điện năng cho các tỉnh biên giới như Takeo, Prey Veng, và Thong Khumm (Lee, 2018; Sarasy, 2024).

3.3. Thúc đẩy tăng trưởng hợp tác kinh tế khu vực biên giới

Thứ nhất, thúc đẩy tăng trưởng thương mại biên giới: Các thỏa thuận đã góp phần đáng kể vào việc tăng trưởng thương mại biên giới giữa Campuchia và Việt Nam. Lưu lượng hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới tăng lên, với đa dạng các mặt hàng được trao đổi, từ hàng tiêu dùng, nông sản đến nguyên liệu công nghiệp. Năm 2018, Việt Nam đã đầu tư tại một số khu vực biên giới Campuchia như xây dựng một chợ biên giới kiểu mẫu tại huyện Memot, tỉnh Tbaung Khmum, Campuchia. Chợ có diện tích 20.000m², với tổng mức đầu tư 2 triệu USD từ khoản viện trợ không hoàn lại mà Chính phủ Việt Nam cung cấp cho (baochiphu.vn, 2019).

Thứ hai, gia tăng thu hút đầu tư vào khu vực biên giới: Các chính sách ưu đãi và môi trường kinh doanh thuận lợi hơn đã thu hút đầu tư vào khu vực biên giới. Các khu kinh tế cửa khẩu và khu công nghiệp dọc biên giới đã được hình thành và phát triển, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước. Hiện nay, Việt Nam có 206 dự án đầu tư sang Campuchia còn hiệu lực, với tổng số vốn đăng ký khoảng 2,95 tỷ USD, duy trì vị trí đứng đầu trong ASEAN và nằm trong nhóm 5 nước có đầu tư trực tiếp lớn nhất tại Campuchia. Cùng với đó, Việt Nam đã gia tăng đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp tại các

địa phương biên giới của Campuchia (Whitehead, 2024).

Quy mô các khoản đầu tư của Việt Nam vào nông nghiệp và ngành công nghiệp chế biến nông sản ở Campuchia là rất lớn. Chẳng hạn, Tập đoàn Trường Hải (THACO), một tập đoàn của Việt Nam, đã đầu tư 1,295 tỷ USD vào các dự án nông nghiệp ở các tỉnh Kratie và Ratanakiri. Các dự án này bao phủ diện tích tổng cộng 35.390 ha và tập trung vào trồng chuối, chăn nuôi gia súc và các loại cây ăn trái khác. Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật An Giang, cũng đã công bố kế hoạch đầu tư vào sản xuất lúa gạo tại Campuchia. Bên cạnh những khoản đầu tư này, THACO còn dự định đầu tư 228,4 triệu USD để xây dựng các khu sản xuất nông sản hữu cơ quy mô lớn tại Campuchia (Whitehead, 2024).

Thứ tư, việc triển khai các thỏa thuận song phương và đa phương về quản lý biên giới cũng tồn tại một số vấn đề như liên quan đến thuế quan, cơ sở hạ tầng hạn chế vv... về cơ sở hạ tầng thương mại ở cửa khẩu biên giới, hệ thống giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, dịch vụ thanh toán giao nhận, vận chuyển... giữa Việt Nam - Campuchia còn hạn chế, cần phải cải thiện hơn nữa. Với tiềm năng mở rộng xuất khẩu các mặt hàng của Việt Nam sang Campuchia cũng như triển vọng đầu tư của doanh nghiệp các nước sang nước đối tác, Tổng cục Thuế kỳ vọng Hiệp định thuế giữa hai nước có hiệu lực sẽ góp phần tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế và đầu tư của Việt Nam - Campuchia thông qua việc tạo ra một môi trường pháp lý về thuế rõ ràng, ổn định để các nhà đầu tư Campuchia và Việt Nam tiến hành các hoạt động kinh doanh.

Kết luận

Bài viết này chỉ ra rằng hợp tác quốc tế Việt Nam - Campuchia đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy an ninh, chính trị, quốc phòng và phát triển hạ tầng, tăng trưởng kinh tế khu vực

biên giới. Vai trò này được thể hiện rõ bằng việc ký kết nhiều văn bản và thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương giữa hai nước, Thúc đẩy xây dựng hạ tầng biên giới, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giao thương và trao đổi, góp phần vào tăng trưởng thương mại song phương. Những thành tựu này chủ yếu đến từ chủ trương, chính sách ngày càng hoàn thiện

của Việt Nam về quản lý biên giới, cùng với sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan chức năng. Bên cạnh đó, Campuchia cũng đã điều chỉnh nhiều chính sách biên giới sau những biến động trong chính quyền, đồng thời có nhu cầu cao về phát triển kinh tế-xã hội vùng biên giới, tạo thêm động lực cho hợp tác giữa hai bên.

Tài liệu tham khảo

1. ADB. (2014). *Cross-Border Energy Trade Powers Development in Cambodia*. Retrieved 12/12/ from <https://www.adb.org/results/cross-border-energy-trade-powers-development-cambodia>
2. Anh, Q., & Thảo, H. (2024). *Việt Nam - Campuchia triển khai sâu rộng, thực chất và hiệu quả hợp tác quốc phòng*. Retrieved 01/01/ from <https://baotintuc.vn/quoc-phong/viet-nam-campuchia-trien-khai-sau-rong-thuc-chat-va-hieu-qua-hop-tac-quoc-phong-20240808193501664.htm>
3. Asian Development Bank. (2019). *Cambodia: Transport Sector Assessment, Strategy, and Road Map*.
4. Báo chính phủ. (2019). *Việt Nam tặng Campuchia công trình chợ biên giới kiểu mẫu*. Retrieved 01/01/2025. <https://tcnn.vn/news/detail/46039/Viet-Nam-tang-Campuchia-cong-trinh-cho-bien-gioi-kieu-mau.html>
5. Báo Công thương. (2024). *Nâng cao hiệu quả của hoạt động thương mại biên giới*. In (Vol. 2025). <https://trungtamwto.vn/hiep-dinh-khac/27667-nang-cao-hieu-qua-cua-hoat-dong-thuong-mai-bien-gioi>
6. Báo Giao thông. (2022). *Tuyến vận tải thủy xuyên biên giới Việt Nam - Campuchia bước sang năm thứ 11 khai thác, là hành lang vận tải hữu hiệu nối ASEAN và khu vực*. Retrieved 01/01/ from https://m.viwa.gov.vn/tin-tuc/-/asset_publisher/71URy46Cc2Ee/content/tuyen-van-tai-thuy-xuyen-bien-gioi-viet-nam-campuchia-buoc-sang-nam-thu-11-khai-thac-la-hanh-lang-van-tai-huu-hieu-noi-asean-va-khu-vuc-/10184
7. Bộ Tài chính. (2019). *Hiệp định tránh thuế hai lần giữa Việt Nam và Campuchia chính thức có hiệu lực*. Retrieved 15/01/ from https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM150579
8. Bộ Tư pháp. (2015). *Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg Về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước cho chung biên giới*. Retrieved 01/01/ from <https://moj.gov.vn/qt/thongtinbaochi/Lists/ThongCaoBaoChiVeVanBanQuyPhamPhapLuat/Attachments/30/Thong%20cao%20bao%20chi%20thang%202010.doc>
9. Chuong, N., Co, N., Ngoan, L., Binh, N., & Hiep, T. (2023). International Cooperation on Water Security in the Mekong River and Vietnam's Countermeasures. *Academic Journal of Interdisciplinary Studies*, 12, 220. <https://doi.org/10.36941/ajis-2023-0073>
10. Hoàng, N. H. (2018). *Hợp tác xuyên biên giới vùng Tây Nam Bộ*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội
11. Hưng, T. (2023). *Tạo động lực trong xây dựng quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia trong tình hình mới*. Retrieved 12/5/ from <https://nhandan.vn/tao-dong-luc-trong-xay-dung-quan-ly-va-bao-ve-bien-gioi-quoc-gia-trong-tinh-hinh-moi-post771337.html>
12. Hùng, T. V., & Ngân, T. N. (2023). *Tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa*. Retrieved 10/12/ from <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/827006/tang-cuong-hop-tac-quoc-te-ve-quoc-phong-dap-ung-yeu-cau-bao-ve-to-quoc-tu-som%2C-tu-xa.aspx>
13. Lee, H. (2018). *Regional: Southeast Asia Energy Sector Development, Investment Planning and Capacity Building Facility*. <https://www.adb.org/sites/default/files/project-documents/52096/52096-001-dpta-en.pdf>

14. Manopiniwes, C., Aliyev, S., Bun, V., Lam, Y. Y., Wang, B., Long, B., Sayeg, P., Geerinck, L., Power, P., & Ath, S. (2024). *Cambodia's Regional Connectivity: Unlocking the Full Potential of Transport Corridors*.
15. Meng Seavmey. (2023) *\$19 Million Raised for Border Infrastructure*. Retrieved 31/12/2024 from <https://cambodianess.com/article/19-million-raised-for-border-infrastructure>
16. Minh, Đ. Q. (2018). *Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia - sự phát triển mới về tư duy bảo vệ Tổ quốc của Đảng*. Retrieved 31/12/ from <http://tapchiquptd.vn/vi/quan-triet-thuc-hien-nghi-quyet/chien-luoc-bao-ve-bien-gioi-quoc-gia-su-phat-trien-moi-ve-tu-duy-bao-ve-to-quoc-cua-dang/13359.html>
17. Nguyễn, H. (2024a). *Thúc đẩy hợp tác đa phương trong Khu vực Tam giác phát triển CLV*. Retrieved 10/03/ from <https://baodautu.vn/thuc-day-hop-tac-da-phuong-trong-khu-vuc-tam-giac-phat-trien-clv-d209723.html>
18. Nguyễn, H. (2024b). *Thúc đẩy hợp tác đa phương trong Khu vực Tam giác phát triển CLV*. Retrieved 01/01/ from <https://baodautu.vn/thuc-day-hop-tac-da-phuong-trong-khu-vuc-tam-giac-phat-trien-clv-d209723.html>
19. Nhi, P. (2024). *Kết nối cao tốc TPHCM - Mộc Bài với cao tốc Phnom Penh - Bà Vệt*. Retrieved 01/01/ from <https://baochinhphu.vn/ket-noi-cao-toc-tphcm-moc-bai-voi-cao-toc-phnom-penh-ba-vet-102240621172626089.htm>
20. Nhung, N. T. H. (2017). *Triển vọng ứng dụng mô hình quản lý dựa vào cộng đồng trong hợp tác song phương tại các địa phương biên giới*. NXB Khoa học xã hội.
21. Sarasy, C. (2024). *Cambodia's Current Status and Plan for Cross Border Power System Connectivity*. Retrieved 01/01/ from https://www.unescap.org/sites/default/d8files/event-documents/S2%20Cambodia%E2%80%99s%20Current%20Status%20and%20Plan%20for%20Cross%20Border%20Power%20System%20Connectivity_Chiphong%20Sarasy_Ministry%20of%20Mines%20and%20Energy.pdf#page=13.00
22. Sarraf, M., Rismanchi, B., Saidur, R., Ping, H. W., & Rahim, N. A. (2013). Renewable energy policies for sustainable development in Cambodia. *Renewable and Sustainable Energy Reviews*, 22, 223-229. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.rser.2013.02.010>
23. Sithirith, M., Evers, J., & Gupta, J. (2016). Damming the Mekong tributaries: water security and the MRC 1995 Agreement. *Water Policy*, 18(6), 1420-1435.
24. Sreypich, S. (2024). *PM Sets Up Fundraising Campaign For Citizens To Contribute To Border Development*. Retrieved 31/12/ from <https://cambojanews.com/pm-sets-up-fundraising-campaign-for-citizens-to-contribute-to-border-development/>
25. Tâm, K. (2024). *Vốn đầu tư vào Campuchia tăng hơn 300%*. Retrieved 01/01/ from <https://vietstock.vn/2024/05/von-dau-tu-va-campuchia-tang-hon-300-1327-1190826.htm>
26. Thảo, H. (2024). *Campuchia huy động nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng vùng biên giới* VietnamPlus. Retrieved 12/12/ from <https://www.vietnamplus.vn/campuchia-huy-dong-nguon-luc-phat-trien-co-so-ha-tang-vung-bien-gioi-post972640.vnp>
27. Thao, N. H. (2021). *Đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia*, . Retrieved 01/01/ from <https://ttdn.vn/bien-gioi-bien-dao/duong-bien-gioi-tren-dat-lien-giua-viet-nam-va-campuchia>
28. Thương, H. (2023). *Quy định mới về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền*. Retrieved 31/12/ from <https://baophapluat.vn/quy-dinh-moi-ve-quan-ly-cua-khau-bien-gioi-dat-lien-post478879.html>
29. Times, K. (2024). *Royal Government of Dr Hun Manet to use five strategies to continue to lead Cambodia*. Retrieved 31/12/ from
30. TTXVN. (2022). *Khai thác lợi thế, thu hút phát triển thương mại biên giới*. Retrieved 12/03/ from <https://www.vietnamplus.vn/khai-thac-loi-the-thu-hut-phat-trien-thuong-mai-bien-gioi-post819430.vnp>
31. TTXVN. (2023a). *“Đòn bẩy” phát triển vận tải thủy liên vận quốc tế*. Retrieved 31/12/ from <https://vovgiaothong.vn/don-bay-phat-trien-van-tai-thuy-lien-van-quoc-te-d32483.html>
32. TTXVN. (2023b). *Thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc phòng, kinh tế Việt Nam-Campuchia*. Retrieved 01/03/ from <https://www.bienphong.com.vn/thuc-day-quan-he-hop-tac-quoc-phong-kinh-te-viet-nam-campuchia-post468077.html>

33. TTXVN. (2024). *Động lực mới trong hợp tác thương mại Việt Nam và Campuchia*. <https://trungtamwto.vn/tin-tuc/26622-dong-luc-moi-trong-hop-tac-thuong-mai-viet-nam-va-campuchia>
34. Tung, T. (2024). *Vietnamese, Cambodian local police cooperate to prevent and combat crime in border areas*. Retrieved 01/01/ from <https://www.vietnam.vn/fr/cong-an-dia-phuong-viet-nam-campuchia-hop-tac-phong-chong-toi-pham-khu-vuc-bien-gioi>
35. Ủy ban sông Mekong Việt Nam. (2021). *Hợp tác tài nguyên nước xuyên biên giới với Campuchia*. Retrieved 12/12/ from https://vnmc.gov.vn/?page_id=1847
36. Văn, H. (2024). *Việt Nam, Campuchia phần đầu đạt 20 tỷ USD kim ngạch thương mại song phương*. Retrieved 10/03/ from <https://baochinhphu.vn/viet-nam-campuchia-phan-dau-dat-20-ty-usd-kim-ngach-thuong-mai-song-phuong-10223121116294192.htm>
37. Whitehead, J. (2024). *Vietnamese firm mulls multimillion-dollar agri-investment in Cambodia*. Retrieved 10/10/ from <https://www.khmertimeskh.com/501477669/vietnamese-firm-mulls-multimillion-dollar-agri-investment-in-cambodia/>
38. Yển, B. (2022). *Trao đổi kinh nghiệm hoạt động quốc hội trong thúc đẩy hợp tác giữ gìn an ninh trật tự và phát triển khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia*. Retrieved 12/12/ from <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=71986>

Thông tin tác giả:**1. Vũ Quý Sơn, TS.**

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Trung Quốc
- Địa chỉ email: vuquysonvnics@gmail.com

Ngày nhận bài: 03/3/2025

Ngày nhận bản sửa: 20/4/2025

Ngày duyệt đăng: 11/5/2025

2. Đỗ Tá Khánh, TS.

- Đơn vị công tác: Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững.